

Số: 79/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1992

CCCD số: 038092030331; Cấp ngày: 20/5/2023; Nơi cấp: Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm: 1995

CCCD số: 038195018389; Cấp ngày: 28/6/2021; Nơi cấp: Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3, khoản 4 điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn T và chị Dương Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Hòa thuận T1 ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Bích P, sinh ngày: 29/11/2015 và Trần Văn B, sinh ngày: 21/8/2017.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, ly hôn giao các cháu Trần Thị Bích P và Trần Văn B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Bích P, anh T cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Văn B mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), việc cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01 năm 2027 cho đến khi cháu Bảo thành N.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tổng số tiền án phí anh T phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai thu số 0001432 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12-Thanh Hóa;
- UBND xã Quý Lương, tỉnh Thanh Hóa (ĐKKH số 03/2015 ngày 17/01/2015 tại UBND xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa);
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Sơn

